TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CL** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **38**/2020/QĐST-HNGĐ	*Cai Lậy, ngày 03 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 221/2020/TLST- Việc HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung và cấp dưỡng", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

- Anh **Trần Quang T**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

- Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: số XY Nguyễn Huệ, phường X, Tp T, tỉnh Phú Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của đương sự ngày 26 tháng 5 năm 2020, chị Bùi Thị H và anh Trần Quang T thống nhất yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị H và anh Trần Quang T yêu cầu Tòa án công nhận TTLH.

- Về con chung: có 01 con chung tên Trần Quang K, sinh ngày 01/4/2013. Chị Bùi Thị H và anh Trần Quang T thỏa thuận chị H nuôi dưỡng con chung. Anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Thị H và anh Trần Quang T thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Xét, việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của chị Bùi Thị H và anh Trần Quang T được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của đương sự ngày 26 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Trần Quang T tự nguyện thỏa thuận ly hôn.

- Về con chung: có 01 con chung tên Trần Quang K, sinh ngày 01/4/2013. Chị Bùi Thị H và anh Trần Quang T thống nhất thỏa thuận chị H nuôi dưỡng con chung.

Anh Trần Quang T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Khải đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được.

Anh Trần Quang T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, anh Trần Quang T chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Thị H và anh Trần Quang T thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Anh Trần Quang T nộp 150.000 đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh đã nộp 150.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số 0005375 ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Tiền Giang, nên xem như đã nộp xong lệ phí.

Chị Bùi Thị H nộp 150.000 đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 150.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số 0005374 ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Tiền Giang, nên xem như đã nộp xong lệ phí

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- UBND xã BP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hồng Tâm